

Bản án số: 406/2018/HS-ST

Ngày: 08-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Toại

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ngọc Hương

Ông Nguyễn Thành Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Lê Hải Lý, Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 552/2018/HSST ngày 25 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4890/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2018, đối với bị cáo:

Trần Quốc V (tên gọi khác: T); sinh năm: 1981, tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: X đường 2A (số cũ đường G8), khu phố 4, phường B, quận B, Thành phố H; tạm trú: Y tổ 15, khu phố 3C, phường T, Quận MH, Thành phố H; nghề nghiệp: làm công; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Từ H (chết) và bà Dương Bạch Y; có vợ và 07 con; tiền sự: không có; tiền án: ngày 31/7/2015, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” (theo Bản án số 262/2015/HSST); bị bắt, tạm giam ngày: 12/3/2018; có mặt.

- Bị hại: Chị E. R. M (quốc tịch Anh), sinh năm: 1990; nơi cư trú: 107H Làng Y, Quận T, Thành phố HN; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1965; nơi cư trú: A đường M, tổ dân phố 2, phường Đ, thành phố ĐH, tỉnh Q; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 45 phút ngày 11/3/2018, bị cáo điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 73K2-2996 đi từ đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa rồi rẽ trái vào đường Điện Biên Phủ. Khi đi qua nhà số 231 đường Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3 thì nhìn thấy chị E. R. M (quốc tịch Anh) đang đứng sử dụng điện thoại di động nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Bị cáo điều khiển xe quay lại chạy ngược chiều trên vỉa hè, áp sát vào bên phải, dùng tay trái chiếm đoạt chiếc điện thoại trên tay chị E. R. M, rồi tăng ga bỏ chạy về hướng đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Lúc này, anh Trần Quốc T đang điều khiển xe ô tô lưu thông từ đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa rẽ trái vào đường Điện Biên Phủ nghe tiếng tri hô và thấy bị cáo đang chạy xe ngược chiều liền đánh tay lái sang trái, xe ô tô va chạm vào bên trái xe bị cáo làm bị cáo và xe máy ngã xuống đường, chiếc điện thoại di động bị cáo vừa chiếm đoạt cũng bị rơi xuống đường. Bị cáo bỏ xe chạy bộ hướng về đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, anh T xuống ô tô chạy bộ đuổi theo bị cáo một đoạn nhưng không kịp. Lúc này, có anh Trần Triệu P là tài xế xe ôm đang đậu xe máy tại giao lộ Điện Biên Phủ - Nam Kỳ Khởi Nghĩa nghe tiếng tri hô và thấy bị cáo bỏ chạy về hướng Nhà Thiếu nhi Thành phố nên đã đuổi theo bị cáo. Do bị cáo chạy vào Nhà Thiếu nhi Thành phố để trốn thì bị bảo vệ đuổi ra, nên bị cáo chạy ra lại đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa thì gặp anh P và bảo anh P chở ra hướng bờ kè. Anh P chở bị cáo đến trước cổng Công an Phường 7, Quận 3 thì tri hô lên, bị cáo nhảy xuống xe chạy bộ. Lúc này, anh Châu Anh T đang trực tại Công an Phường 7, Quận 3 ra hỗ trợ cùng anh P đuổi theo được một đoạn thì bắt giữ được bị cáo; sau đó, chuyển cho Công an Phường 6, Quận 3 xử lý.

Sau khi bị chiếm đoạt tài sản, chị E. R. M đã đến Công an Phường 6, Quận 3 trình báo sự việc. Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Quốc V về hành vi chiếm đoạt tài sản. Tại cơ quan công an bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như trên.

Bản Cáo trạng số 380/CTr-VKS-P2 ngày 19 tháng 9 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Quốc V tội danh “Cướp giật tài sản” theo các điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội, giữ quan điểm như truy tố, nêu lên các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 04 năm đến 05 năm tù và đề nghị hướng xử lý vật chứng theo quy định. Về trách nhiệm dân sự, bị hại - chị E. R. M - đã được giao trả lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng nêu và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Trần Quốc V phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để xác định, vào khoảng 22 giờ 45 phút ngày 11/3/2018, tại trước nhà số 231 đường Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo đã có hành vi điều khiển xe mô tô hai bánh áp sát và dùng tay chiếm đoạt chiếc điện thoại di động trên tay của chị E. R. M, rồi nhanh chóng tăng ga xe bỏ chạy nhưng đã bị bắt giữ. Tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt là một chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, đã qua sử dụng; theo Kết luận định giá tài sản số 56/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 06/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, thì chiếc điện thoại này trị giá 2.750.000 đồng.

[3] Thủ đoạn công khai, bắt ngờ giật lấy tài sản của người khác có giá trị như nêu trên, rồi nhanh chóng tẩu thoát mà bị cáo thực hiện đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Cướp giạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đồng thời, thì hành vi dùng mô tô, xe máy để thực hiện việc cướp giạt tài sản là tình tiết “dùng thủ đoạn nguy hiểm”. Mặt khác, ngày 31/7/2015 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Bản án số 262/2015/HSST), bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/12/2016. Như vậy, bị cáo đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án

tích mà lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo tội danh “Cướp giật tài sản” theo các điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định.

[4] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, gây nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện nên có lỗi cố ý trực tiếp; vì vậy, bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ là “phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” vì tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại; “thành khẩn khai báo”. Những tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ trong vụ án và trách nhiệm dân sự:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime: là tài sản bị chiếm đoạt, đã được thu hồi trả lại cho bị hại - chị E. R. M, việc giao trả này là đúng. Đồng thời, bị hại không có yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- 01 xe mô tô hai bánh hiệu Wave, biển số 73K2-2996: chiếc xe do bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1965; nơi cư trú: A đường M, tổ dân phố 2, phường Đ, thành phố ĐH, tỉnh Q - đứng tên chủ sở hữu. Bà P khai đã bán chiếc xe này cho một người khác vào năm 2006, nhưng không làm thủ tục chuyển tên chủ sở hữu theo quy định. Bị cáo khai mua chiếc xe này từ những người không rõ lai lịch với giá 3.500.000 đồng. Xét thấy, chiếc xe này được bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 USB màu trắng có nội dung ghi lại hành vi chiếm đoạt tài sản mà bị cáo thực hiện ngày 11/3/2018: đây là một trong những chứng cứ có liên quan đến việc chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, nên đưa lưu vào hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Quốc V (tên gọi khác: T) phạm tội “Cướp giật tài sản”.

1. Căn cứ vào các điểm d, i khoản 2 Điều 171; các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Quốc V 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/3/2018.

2. Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô hai bánh hiệu Wave, biển số 73K2-2996, số khung: MH1KEVF1XYK317804, số máy: KEVFE1317076 (theo Quyết định chuyển vật chứng số: 303/QĐ-VKS-P2, ngày 20/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

- Đưa lưu vào hồ sơ vụ án: 01 USB màu trắng có nội dung ghi lại hành vi chiếm đoạt tài sản mà bị cáo thực hiện ngày 11/3/2018.

3. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 200.000 đồng.

4. Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Dương sự (2)
- THAHS TP.HCM; (1)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (18) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Toại